KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	10,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.0%	-3.6%	-

DT thuần — *2024*: **1,391** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 57.0 ▼ 3.9%

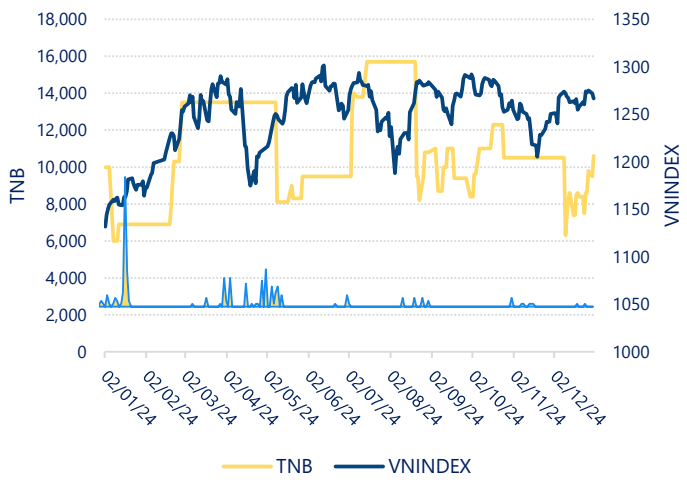
LN gộp — *2024*: **58.3** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 4.40 ▼ 7.0%

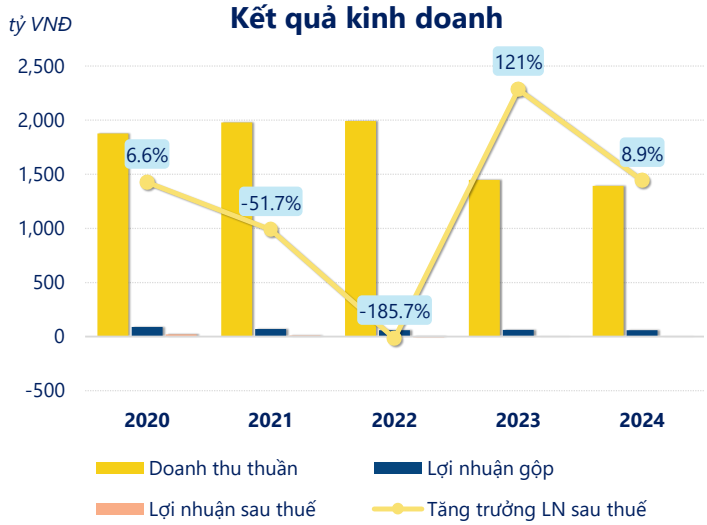
LN thuần — *2024*: **3.08** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 0.55 ▲ 21.9%

LN sau thuế — *2024*: **1.93** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 0.15 ▲ 8.9%

ROE — 2024: **1.1%** — +/- YoY ▲ 0.1%

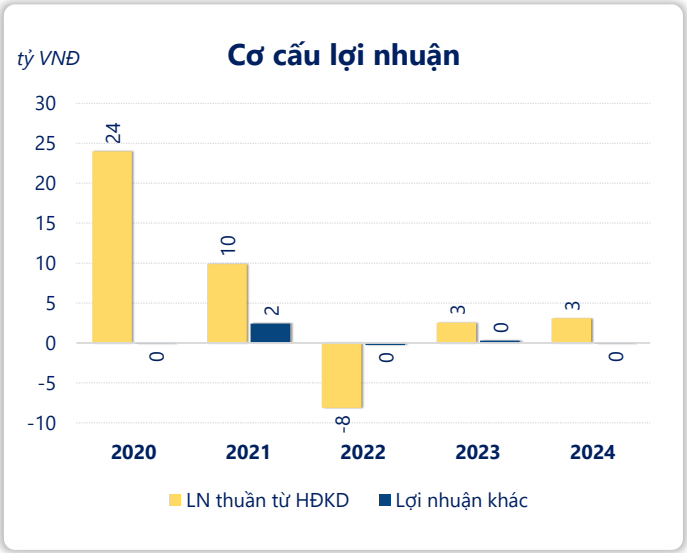
ROA — 2024: **0.4%**

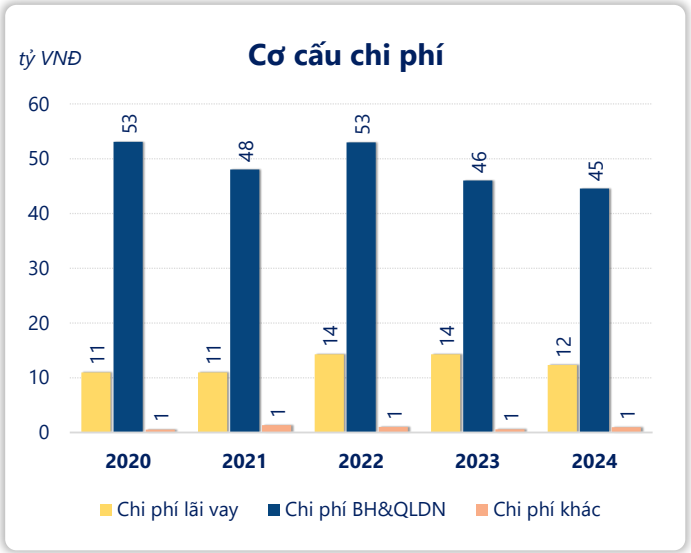




Kết quả kinh doanh **TNB** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,391** tỷ đồng **giảm 3.88%**, lợi nhuận sau thuế đạt 1.93 tỷ đồng **tăng 8.90%**.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

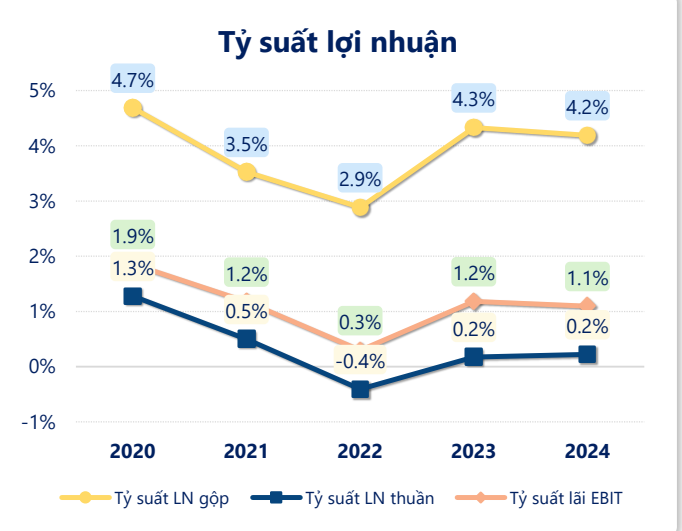


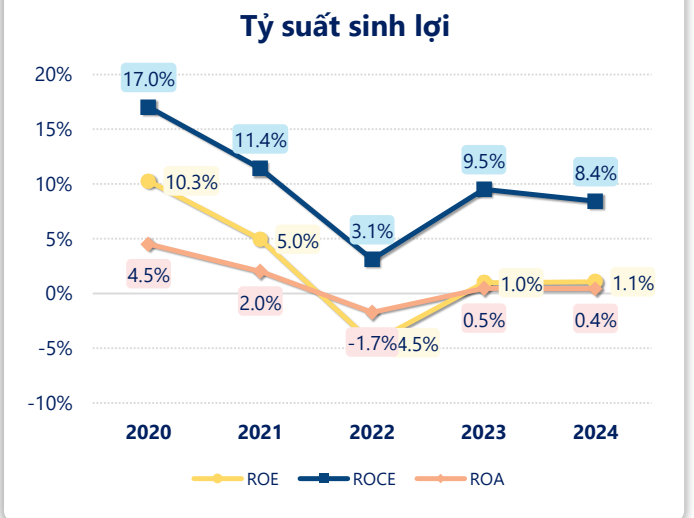


Năm **2024**, **TNB** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **3.08** tỷ đồng, **tăng lên 0.55** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (6.27 tỷ đồng) là 3.19 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

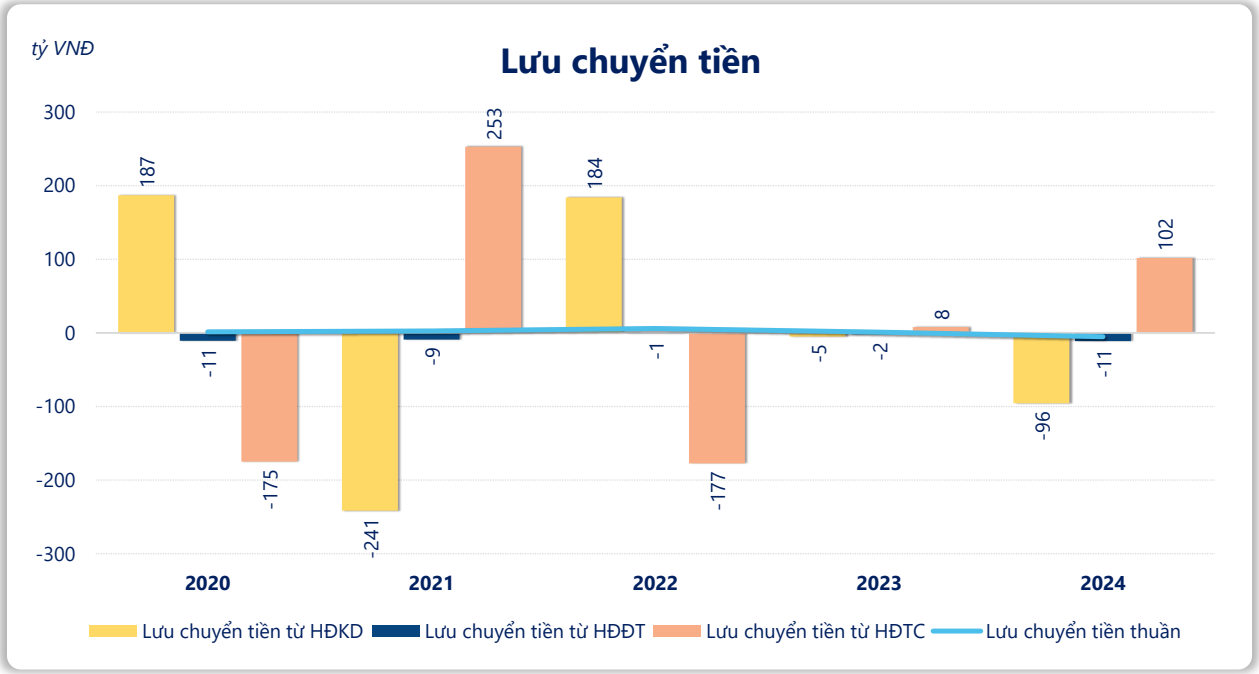
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **12.29** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **44.52** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.95** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TNB năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.07%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,878**	**1,978**	**1,992**	**1,448**	**1,391**
Giá vốn hàng bán	1,790	1,908	1,935	1,385	1,333
Lợi nhuận gộp	**88.0**	**69.7**	**57.5**	**62.7**	**58.3**
Doanh thu HĐTC	0.81	0.39	4.15	2.19	2.67
Chi phí TC	11.7	12.2	16.8	16.3	13.3
Chi phí lãi vay	**11.0**	**11.0**	**14.3**	**14.3**	**12.3**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.1	13.6	18.1	12.8	13.9
Chi phí QLDN	37.0	34.4	34.8	33.2	30.6
LN thuần từ HĐKD	**24.0**	**9.87**	**-8.12**	**2.53**	**3.08**
Lợi nhuận khác	-0.11	2.40	-0.26	0.29	-0.13
LN trước thuế	**23.9**	**12.3**	**-8.39**	**2.82**	**2.95**
Lợi nhuận sau thuế	**20.3**	**9.79**	**-8.39**	**1.78**	**1.93**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.3**	**9.79**	**-8.39**	**1.78**	**1.93**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TNB bằng **-5.17** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (0.99 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-95.64** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-11.03** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **101.5** tỷ đồng.